

THÍCH ỨNG CỦA CÁC TỘC NGƯỜI Ở KHU VỰC BIÊN GIỚI TỈNH HÀ GIANG DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA HÀNG RÀO BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

TẠ THỊ ANH
Học viện Chính trị khu vực I

Nhận bài ngày 11/9/2026. Sửa chữa xong 27/9/2026. Duyệt đăng 05/10/2026.

Abstract

Ethnic relations along the Vietnam–China border have long been formed and maintained through shared ethnicity, kinship, marriage, economic exchange, and cultural and social interaction. State boundary demarcation, management, and policies have gradually changed how these relationships operate. In 2020, following the outbreak of the COVID-19 pandemic and the implementation of its “zero-COVID” policy, the Chinese government constructed a fortified fence along the Vietnam–China border. This directly affected local communities’ livelihoods, mobility, trade, employment, family visits, marriages, and cultural exchanges, thereby transforming relations among ethnic groups living on both sides of the border. Drawing on fieldwork conducted in Ha Giang Province in 2024, this article examines changes in cross-border ethnic relations and community life resulting from the border fence. It subsequently analyzes local adaptation strategies and proposes measures to strengthen the adaptive capacity of ethnic communities in the new context.

Keywords: Adaptation, border areas, border fence, China, ethnic communities, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc là không gian cư trú của nhiều tộc người thiểu số, hầu hết các tộc người đều có quan hệ đồng tộc, thân tộc, hôn nhân,... xuyên biên giới. Mỗi quan hệ này được hình thành trên cơ sở tương đồng về nguồn gốc, ngôn ngữ, văn hóa, đồng thời được củng cố thông qua các hoạt động kinh tế, trao đổi hàng hóa, di cư lao động, hôn nhân, thăm thân và các nghi lễ cộng đồng. Từ nghiên cứu thực địa cho thấy, đường biên giới không đơn thuần là đường phân chia lãnh thổ tỉnh, mà như một không gian xã hội, không gian thực hành, giao lưu văn hoá, nơi tồn tại sự tương tác của thiết chế nhà nước và thiết chế truyền thống của các tộc người.

Đầu những năm 1990, hai nước Việt Nam và Trung Quốc chính thức bình thường hoá quan hệ, đường biên giới được mở cửa trở lại, quan hệ hai quốc gia phát triển nhanh chóng, toàn diện và sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực đã tạo điều kiện cho quan hệ tộc người xuyên biên giới được phục hồi và mở rộng. Năm 2020, trong bối cảnh phòng, chống đại dịch Covid - 19, Trung Quốc tiến hành xây dựng “hàng rào” biên giới kiên cố bằng dây thép gai giữa Việt Nam – Trung Quốc, tất cả các đường mòn, lối mở, cửa khẩu phụ trên tuyến biên giới tiếp giáp Việt Nam đều ngừng hoạt động. Đến nay, đường dân sinh không tồn tại, một số cửa khẩu phụ và lối mở chưa thông quan, thông thương trở lại. Điều đó, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân và làm biến đổi mối quan hệ giữa các tộc người sống ở hai bên biên giới. Mỗi quan hệ đang biến đổi dưới nhiều hình thức, cách thức và những mục đích, xu hướng khác nhau, thể hiện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá.

Hà Giang là tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, với đường biên giới dài hơn 277 km giáp Trung Quốc (Minh nhật, 2025), địa bàn sinh sống nhiều dân tộc như: Hmông, Tày, Nùng, Dao, Pà Thẻn, Lô Lô, Pu Páo,... Các dân tộc thiểu số cư trú dọc đường biên giới có mối quan hệ họ hàng thân tộc, đồng tộc,

Email: taanh92@gmail.com

thông gia, bạn bè thân hữu hoặc các quan hệ xã hội khác với người dân vùng biên giới hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây (Trung Quốc). Bởi họ không gặp cách trở về địa lý, có chung điểm tương đồng về văn hoá, ngôn ngữ, phong tục tập quán. Tuy nhiên, sau khi xây dựng hàng rào biên giới, quan hệ của các tộc người ở biên giới hai quốc gia có sự biến đổi đáng kể, trên tất cả phương diện kinh tế, văn hoá, xã hội. Trước sự biến đổi đó, người dân và chính quyền địa phương cũng đã có cách thức điều chỉnh để thích ứng với bối cảnh mới. Từ việc phân tích sự biến đổi trong đời sống và quan hệ của các tộc người vùng biên trước tác động của hàng rào biên giới tại Hà Giang, bài viết làm rõ phương thức thích ứng của các tộc người, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường khả năng thích ứng của người dân trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Biến đổi đời sống và quan hệ tộc người xuyên biên giới tại tỉnh Hà Giang dưới tác động của hàng rào biên giới Việt Nam – Trung Quốc

2.1.1. Biến đổi sinh kế và mạng lưới kinh tế

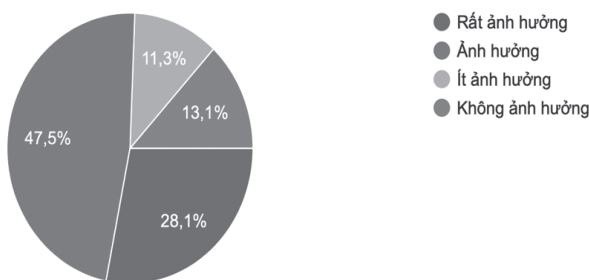
Quan hệ kinh tế giữa các tộc người hai bên biên giới Việt Nam – Trung Quốc đã hình thành từ lâu và biến đổi theo từng bối cảnh lịch sử. Tại vùng biên giới ở Hà Giang, quan hệ này diễn ra đa dạng trên nhiều khía cạnh như trao đổi nông sản, kinh nghiệm sản xuất, thuê đất, thuê lao động, thu gom, bao tiêu nông sản và buôn bán vật tư, hàng tiêu dùng. Các hoạt động kinh tế diễn ra tại cửa khẩu, chợ biên giới và các bản làng, chủ yếu được kết nối thông qua quan hệ dòng họ, thân tộc, đồng tộc, bạn bè và quen biết. Các hoạt động này mang lại nguồn thu nhập khá lớn, góp phần đảm bảo ổn định đời sống kinh tế người dân vùng biên giới. Tuy nhiên, từ khi Trung Quốc xây dựng hàng rào biên giới chạy dọc tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, làm cho các sản phẩm nông sản, vật nuôi, sản vật tự nhiên “mất giá”, không có thị trường tiêu thụ; một số chợ trâu bò tan rã; hoạt động sang Trung Quốc làm thuê theo con đường dân sinh không còn, dẫn đến vấn đề thất nghiệp. Đồng nghĩa với việc không có nguồn thu nhập để trang trải cuộc sống. Đây là nguyên nhân dẫn đến đời sống của người dân gặp khá nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và tái nghèo ở các địa phương vùng biên cao. Theo báo cáo 6 tháng đầu năm 2024, số hộ nghèo huyện Quản Bạ là 5.639 hộ, chiếm 44,4% tổng số hộ toàn huyện, tổng tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là 58,21%, số hộ cận nghèo là 1.754 hộ, chiếm 13,81% (Ủy ban nhân dân huyện Quản Bạ, 2024, tr. 23); huyện Đồng Văn có số hộ nghèo là 8.782 hộ, chiếm tỷ lệ 51,42%, số hộ cận nghèo là 2.421 hộ, chiếm 14,17% (Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn, 2024b, tr. 1);...

Nhìn chung, từ khi có hàng rào biên giới, quản lý siết chặt hơn đã tác động lớn đến hoạt động kinh tế của cư dân hai bên biên giới. Biểu đồ 1 dưới đây cho thấy rõ mức độ ảnh hưởng của hàng rào biên giới đến kinh tế của người dân vùng biên giới. Trong 160 trường hợp được hỏi, có 47,5% đánh giá ảnh hưởng, 28,1% đánh giá rất ảnh hưởng.

Biểu đồ mức độ ảnh hưởng của hàng rào biên giới đến kinh tế của người dân vùng biên giới

Câu 15. Việc xây dựng hàng rào ở biên giới có ảnh hưởng đến kinh tế của người dân vùng biên giới không?

160 câu trả lời



Nguồn: Tác giả, tháng 7/2024.

Sự thay đổi này không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế, mà còn tác động đến mạng lưới liên kết giữa các thương lái, người vận chuyển, người sản xuất và người tiêu dùng vốn liên kết với nhau thông qua quan hệ thân tộc, đồng tộc và quen biết, thì nay không còn duy trì như trước. Hàng rào biên giới không chỉ tạo ra sự thay đổi về không gian sinh hoạt kinh tế, mà còn tạo ra sự thay đổi về cấu trúc sinh kế và mạng lưới quan hệ kinh tế – xã hội của cư dân vùng biên.

2.1.2. Biến đổi trong quan hệ xã hội

Tại khu vực Hà Giang, các tộc người ở hai bên đường biên có quan hệ họ hàng, thân tộc, thông gia và bạn bè được hình thành qua nhiều thế hệ. Qua khảo sát người dân chủ yếu sang bên kia biên giới qua các mối quan hệ đồng tộc, họ hàng (93/160 trường hợp, chiếm 58,1%), thân tộc (40 trường hợp, chiếm 25%), ngoài ra thông qua quan hệ hôn nhân, bạn bè, quen biết. Ở một số huyện như Mèo Vạc, Đồng Văn... có tỷ lệ dân tộc Hmông chiếm trên 70% dân số thì đều có mối quan hệ họ hàng, đồng tộc với người Hmông bên kia biên giới. Sự cố kết dòng họ và tập quán di cư tự do cũng khiến cho người Hmông trở thành tộc người thiểu số có quan hệ dân tộc xuyên biên giới, xuyên quốc gia mạnh nhất với việc duy trì và tăng cường qua lại thăm thân, tham dự các nghi lễ của đồng tộc ở bên kia biên giới, đi lao động làm thuê xuyên biên giới, kết hôn xuyên biên giới... (Nguyễn Thị Thanh Bình – Vương Xuân Tinh, 2023, tr. 72). Do không bị cách biệt bởi khoảng cách địa lý, nên các tộc người thường xuyên qua lại thăm thân, tham dự các nghi lễ, sinh hoạt văn hoá của gia đình, dòng họ. Trong không gian này, quan hệ thân tộc, đồng tộc và hôn nhân đã tạo ra những mạng lưới xã hội vượt qua giới hạn ranh giới lãnh thổ.

Kể từ khi việc đi lại bị hạn chế, mối quan hệ giữa các tộc người không biến mất, nhưng đã bị giảm mạnh về mức độ tiếp xúc trực tiếp. Những cuộc thăm thân, chúc tết, dự đám cưới, tang ma và các sinh hoạt gia đình, dòng họ trở nên khó thực hiện hơn. Tại Hà Giang ghi nhận tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số kết hôn với người Trung Quốc đã giảm đáng kể, đồng thời hạn chế được vấn đề hôn nhân tự phát, hôn nhân không đăng ký... Nếu như trước đây, nhiều phụ nữ Hmông, Dao, Tày, Nùng..., lấy chồng Trung Quốc thường xuyên về thăm gia đình, người thân vào dịp lễ tết, nhưng đã hơn 4 năm do có hàng rào biên giới nên nhiều người chưa thể trở về, số ít chỉ về trong dịp tết quan trọng (Tạ Thị Anh, 2025, tr. 53).

2.1.3. Biến đổi giao lưu văn hóa

Trước khi hàng rào biên giới xây dựng, các tộc người ở vùng biên giới Hà Giang thường xuyên qua lại giữa hai bên biên giới thông qua cửa khẩu, lối mở, đường dân sinh và các tuyến đường nhỏ để tham dự các nghi lễ, lễ hội, giao lưu văn hoá. Bởi các tộc người không ngại về ngôn ngữ, có nhiều điểm tương đồng trong phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hoá. Những nghi lễ và lễ hội truyền thống của người Tày, Dao, Hmông, Pu Péo, Lô Lô... từng là dịp để cư dân hai bên gặp gỡ, qua đó hình thành, củng cố các quan hệ kinh tế, xã hội và hôn nhân. Đồng thời, họ học hỏi nhau về trang phục, ẩm thực, xây dựng nhà cửa...

Tuy nhiên, sau khi hàng rào biên giới xây dựng, cơ hội để các tộc người tham gia trực tiếp các lễ hội, nghi lễ, giao lưu văn hoá đã giảm đi rất nhiều, thậm chí thời điểm đầu gần như không được thực hiện. Nhưng cũng nhờ đó mà hoạt động truyền đạo lạ vào các dân tộc thiểu số ở Hà Giang đã được ngăn chặn, hạn chế đáng kể. Nhờ vậy, công tác vận động, tuyên truyền “xoá trắng” đạo lạ trên địa bàn một số huyện Đồng Văn, Mèo Vạc... diễn ra thuận lợi. Tính đến thời điểm tháng 4/2024, 20 hộ/118 nhân khẩu theo tà đạo San sư khệ tọ ở Đồng Văn đã được chính quyền tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện quay lại phong tục tập quán cũ của dân tộc (Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn, 2024a, tr. 3).

2.2. Thích ứng của các tộc người ở khu vực biên giới tỉnh Hà Giang trước tác động hàng rào biên giới Việt Nam – Trung Quốc

2.2.1. Đa dạng hóa và chuyển đổi sinh kế

Trước tác động của hàng rào biên giới và sự quản lý chặt chẽ vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc, ban đầu người dân khá bối rối, bị động, khó thích ứng, thậm chí trông chờ vào sự thay đổi chính sách từ phía Trung Quốc. Nhưng rồi người dân từng bước thích ứng, tiến hành thay đổi mô hình sản xuất, giống cây trồng vật nuôi, chuyển đổi công việc... để đảm bảo sinh kế và nhu cầu cuộc sống. Đồng thời,

chính quyền địa phương đã vào cuộc giúp đỡ, hỗ trợ và định hướng cho người dân chủ động ứng phó trước những ảnh hưởng này (Tạ Thị Anh, 2025, tr. 493).

Trong sản xuất nông nghiệp, trước những biến động của hoạt động kinh tế xuyên biên giới, người dân đã chuyển đổi phương thức sản xuất theo hướng phát triển nông nghiệp hàng hóa, chú trọng các sản phẩm đặc trưng, có giá trị kinh tế và phù hợp với nhu cầu thị trường. Một số địa phương hình thành và phát triển các chuỗi sản phẩm như hồng không hạt, cam, đào, lê, mật ong, dược liệu, trâu, bò..., đồng thời gắn sản xuất nông nghiệp với phát triển du lịch, qua đó từng bước đa dạng hóa nguồn thu nhập. Trong lĩnh vực việc làm, một bộ phận người dân chuyển sang các nghề phi nông nghiệp như làm xe ôm, xây dựng, bốc vác, vận chuyển hàng hóa tại khu vực cửa khẩu hoặc di chuyển đến các khu công nghiệp ở Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bình Dương... để làm công nhân.

Đặc biệt, khi hoạt động buôn bán và trao đổi hàng hóa xuyên biên giới suy giảm, người dân có xu hướng điều chỉnh cơ cấu sinh kế theo nhiều hướng khác nhau, như quay trở lại sản xuất nông nghiệp, mở rộng hoạt động buôn bán trong nội địa hoặc tìm kiếm việc làm ngoài địa phương. Tư liệu thực địa cho thấy, một số thương lái trâu, bò đã chuyển sang trồng rau, củ, cây ăn quả; một bộ phận khác chuyển sang làm thuê hoặc trở thành công nhân. Những biến đổi này cho thấy quá trình đa dạng hóa sinh kế ở khu vực biên giới không hoàn toàn xuất phát từ lựa chọn tự nguyện, mà nhiều trường hợp là sự thích ứng mang tính bắt buộc trước những thay đổi ở vùng biên giới.

Nếu trước đây một hộ gia đình có thể đồng thời kết hợp sản xuất nông nghiệp với buôn bán, vận chuyển, trao đổi hàng hóa hoặc lao động xuyên biên giới thì nay cơ cấu sinh kế này phải được điều chỉnh. Tuy nhiên, khả năng chuyển đổi và thích ứng giữa các hộ gia đình không đồng đều. Những hộ có đất đai, vốn, kỹ năng sản xuất, kinh nghiệm kinh doanh hoặc mạng lưới xã hội rộng thường có nhiều lợi thế hơn trong việc tìm kiếm sinh kế thay thế. Ngược lại, các hộ phụ thuộc nhiều vào buôn bán nhỏ lẻ, lao động xuyên biên giới có nguy cơ gặp khó khăn hơn khi các hoạt động này bị thu hẹp. Vì vậy, chuyển đổi sinh kế ở vùng biên giới có thể được nhìn nhận như một quá trình tái cấu trúc sinh kế dưới tác động của điều kiện quản lý biên giới, trong đó năng lực thích ứng của mỗi hộ gia đình phụ thuộc đáng kể vào nguồn lực kinh tế và mạng lưới xã hội mà họ có được.

2.2.2. Chuyển từ trao đổi, buôn bán phi chính thức sang các kênh chính thức

Một xu hướng thích ứng hiện nay được người dân lựa chọn là chuyển từ những hoạt động trao đổi, buôn bán nhỏ lẻ, tự phát qua đường dân sinh và mạng lưới cá nhân sang các hình thức giao thương thông qua cửa khẩu chính thức. Thực tế, hoạt động buôn bán qua đường tiểu ngạch và dân sinh tại Hà Giang gần như không còn, thay vào đó là hoạt động trao đổi hàng hóa tại các cửa khẩu được phép thông thương. Sự chuyển đổi này tạo ra cả cơ hội và thách thức. Về mặt tích cực, giao thương chính thức góp phần minh bạch hóa hoạt động xuất nhập khẩu, nâng cao khả năng quản lý nguồn gốc hàng hóa và hạn chế buôn lậu, vận chuyển trái phép. Tuy nhiên, đối với các hộ sản xuất nhỏ, việc chuyển sang thương mại chính thức đòi hỏi vốn, kiến thức thị trường, hiểu biết pháp luật và khả năng đáp ứng các yêu cầu về thủ tục. Do vậy, nếu thiếu chính sách hỗ trợ, quá trình “chính thức hóa” quan hệ kinh tế có thể làm gia tăng chi phí thích ứng của các hộ nghèo.

2.2.3. Chuyển từ giao lưu, tiếp xúc trực tiếp sang “giao tiếp số”

Qua nghiên cứu, có thể khẳng định “giao tiếp số” là một trong những hình thức thích ứng nổi bật nhất của quan hệ tộc người xuyên biên giới hiện nay. Khi các cuộc gặp trực tiếp bị hạn chế, điện thoại và mạng xã hội trở thành phương tiện duy trì liên lạc giữa những người thân, đồng tộc và bạn bè ở hai bên biên giới. Tư liệu thực địa cho thấy nhiều hoạt động hỏi thăm, chúc mừng, chia buồn vốn được thực hiện trực tiếp nay thực hiện qua điện thoại, mạng xã hội. Trong 160 trường hợp được hỏi, có 67 trường hợp thường xuyên liên lạc với người thân, bạn bè, đồng tộc qua điện thoại, 73 trường hợp thường xuyên thăm hỏi, kết nối với nhau qua mạng xã hội (facebook, zalo...).

Sự chuyển đổi này được xem là sự hình thành của một dạng không gian xã hội xuyên biên giới mới. Nếu trước đây quan hệ được duy trì chủ yếu thông qua sự di chuyển của con người, thì nay một phần quan hệ được duy trì thông qua sự lưu chuyển của thông tin. Hàng rào hạn chế sự di chuyển về địa lý

nhưng khó có thể ngăn cách hoàn toàn sự trao đổi thông tin, kết nối của các tộc người hai bên biên giới. Tuy nhiên, giao tiếp số không thể hoàn toàn thay thế giao tiếp trực tiếp. Một cuộc gọi điện thoại không thể thay thế hoàn toàn việc tham dự một đám cưới, tang ma, lễ hội hoặc nghi lễ dòng họ. Vì vậy, đây là sự thay thế một phần phương thức duy trì quan hệ, chứ không phải sự thay thế hoàn toàn bản chất của các mối quan hệ.

2.2.4. Duy trì mạng lưới quan hệ thân tộc, đồng tộc bằng phương thức gián tiếp

Mạng lưới thân tộc, dòng họ và đồng tộc có tính bền vững tương đối cao. Bối cảnh mới hiện nay, khiến cho mạng lưới quan hệ này có xu hướng tìm kiếm phương thức mới để duy trì, tồn tại, tránh bị gián đoạn. Nếu trước đây, người dân hai bên biên giới thường xuyên qua lại thăm thân, gặp gỡ trực tiếp, tham gia các nghi lễ, thì hiện nay họ buộc phải chuyển sang liên hệ bằng điện thoại, mạng xã hội và thông qua những người có khả năng qua lại hợp pháp. Điển hình như, khi họ hàng, bạn bè có công có việc, thì người bên kia biên giới thường gọi điện thoại hoặc kết nối qua mạng xã hội hỏi thăm, nhờ người bên này gửi giúp tiền mừng, tiền viếng, tiền động viên, rồi họ hẹn nhau qua hàng rào để gửi lại.

Tuy nhiên, một vấn đề đáng chú ý là thích ứng không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với việc duy trì được nguyên trạng quan hệ. Nhiều trường hợp, thích ứng làm xuất hiện một dạng quan hệ mới, có tần suất thấp hơn, ít trực tiếp hơn và phụ thuộc nhiều hơn vào công nghệ. Điều này cho thấy thích ứng của các tộc người không chỉ là thích ứng để duy trì quan hệ mà còn là thích ứng với các chuẩn mực pháp lý và cơ chế quản lý nhà nước mới.

2.2.5. Thích ứng với cơ chế quản lý biên giới

Một hình thức thích ứng khác của các tộc người vùng biên là thích ứng với các quy định, thiết chế, chính sách quản lý nhà nước. Sau khi xây dựng hàng rào, việc kiểm soát biên giới chặt hơn, người dân không thể dựa vào các tập quán, thói quen qua lại truyền thống mà phải chuyển sang những hình thức phù hợp với quy định về xuất nhập cảnh, cư trú, lao động, thương mại và hôn nhân. Đây là sự thay đổi quan trọng trong quan hệ giữa thiết chế truyền thống và thiết chế của nhà nước hiện đại. Quan hệ thân tộc, đồng tộc và thông gia vẫn tồn tại nhưng cách thức thực hiện phải thông qua các khuôn khổ pháp lý của hai quốc gia.

Như vậy, quá trình tăng cường quản lý lãnh thổ, vùng biên giới làm cho quan hệ tộc người trước đây vốn linh hoạt thì ngày càng chịu sự phân định rõ hơn bởi tư cách công dân và đường biên quốc gia. Vì thế, thích ứng với hàng rào biên giới cũng là quá trình các cộng đồng tộc người học cách duy trì quan hệ xuyên biên giới trong khuôn khổ pháp lý của quốc gia.

2.3. Giải pháp tăng cường khả năng thích ứng của các tộc người khu vực biên giới tỉnh Hà Giang

2.3.1. Hỗ trợ chuyển đổi và đa dạng hóa sinh kế

Các địa phương biên giới cần hỗ trợ người dân chuyển từ sinh kế phụ thuộc lớn vào hoạt động xuyên biên giới không chính thức sang các mô hình sinh kế bền vững. Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số. Tiếp tục đầu tư, hỗ trợ các dân tộc thiểu số từng bước chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cho phù hợp với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Phát triển nông nghiệp theo hướng liên kết sản xuất chuỗi giá trị nhằm tạo ra sản phẩm nông nghiệp hàng hóa đặc trưng, chất lượng. Đầu tư phát triển cây trồng, vật nuôi, vùng dược liệu quý theo hướng liên kết các dân tộc thiểu số với doanh nghiệp, nhà quản lý... Hỗ trợ sinh kế cần gắn liền với đào tạo kỹ thuật, cung cấp thông tin thị trường và hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm. Qua đó, góp phần phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của các dân tộc thiểu số, hạn chế những ảnh hưởng từ nhân tố khách quan.

2.3.2. Tạo điều kiện chuyển đổi từ giao thương, giao lưu phi chính thức sang giao thương, giao lưu chính thức

Tăng cường hơn nữa hợp tác song phương và đa phương trong giải quyết vấn đề biên giới. Những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải có sự tăng cường phối hợp, hợp tác giữa các cơ quan chức trách của hai quốc gia để đảm bảo việc quản lý biên giới theo đúng pháp luật, đồng thời thúc đẩy mối quan hệ giao lưu, hợp tác trong sản xuất, làm ăn, buôn bán, giao lưu văn hoá... Các hoạt động kết nghĩa cụm dân cư, giao lưu cộng đồng và các hoạt động văn hóa truyền thống cần được tổ chức trong khuôn khổ pháp luật,

phù hợp với điều kiện quản lý biên giới. Đây là cách thức vừa góp phần duy trì quan hệ tộc người, vừa củng cố quan hệ hữu nghị giữa cư dân hai bên.

2.3.3. Hỗ trợ cư dân tiếp cận và sử dụng không gian số

Trong điều kiện giao lưu trực tiếp bị hạn chế, điện thoại và mạng xã hội ngày càng trở thành phương tiện quan trọng để duy trì quan hệ thân tộc, đồng tộc, bạn bè,... Vì vậy, nâng cao năng lực số cho cư dân vùng biên giới có thể trở thành một thành tố mới của chính sách phát triển vùng biên. Tuy nhiên, cần đồng thời nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, pháp luật và khả năng nhận diện thông tin xấu, độc, lừa đảo trên môi trường mạng.

2.3.4. Hoàn thiện cơ chế quản lý quan hệ tộc người xuyên biên giới

Quản lý nhà nước về dân tộc ở vùng biên giới cần tính đến đặc thù của các quan hệ thân tộc, đồng tộc, hôn nhân và giao lưu văn hóa xuyên biên giới. Việc xây dựng cơ chế phối hợp giữa chính quyền địa phương, lực lượng chức năng và cộng đồng dân cư có ý nghĩa quan trọng trong việc phát hiện sớm vấn đề phát sinh, hỗ trợ người dân thực duy trì mối quan hệ này đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, rà soát, hoàn thiện văn bản quản lý vùng biên giới, quy định việc di cư, đi lại ngắn hạn và dài hạn đối với cư dân hai bên biên giới cho phù hợp thực tiễn. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về các văn bản pháp quy về biên giới hiện nay.

2.3.5. Chuyển từ “thích ứng tự phát” sang “thích ứng có sự hỗ trợ”

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều hình thức thích ứng hiện nay được hình thành từ chính sự chủ động của người dân. Tuy nhiên, nếu để quá trình này diễn ra hoàn toàn tự phát, những hộ nghèo, hộ ít vốn và hạn chế về kỹ năng sẽ có nguy cơ bị bỏ lại phía sau. Do đó, cần xây dựng các chương trình hỗ trợ thích ứng theo nhóm đối tượng, trong đó ưu tiên hộ nghèo, lao động mất sinh kế do thay đổi hoạt động biên mậu, thanh niên và phụ nữ ở các xã vùng sâu, vùng xa.

3. Kết luận

Việc xây dựng hàng rào biên giới của Trung Quốc đã tạo ra một sự thay đổi đáng kể đời sống và quan hệ của các tộc người vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Tại Hà Giang, sự thay đổi này thể hiện rõ ở việc thu hẹp các hoạt động trao đổi, buôn bán, mất việc làm, hạn chế thăm thân, đồng tộc, giao lưu văn hóa và các mối quan hệ xã hội vốn được duy trì từ lâu đời. Tuy hàng rào biên giới không làm chấm dứt quan hệ tộc người xuyên biên giới, nhưng buộc các tộc người phải điều chỉnh, hình thành những phương thức mới để thích ứng. Điển hình như sự chuyển đổi và đa dạng hóa sinh kế; chuyển từ các hoạt động kinh tế phi chính thức sang các kênh chính thức; chuyển từ giao tiếp trực tiếp sang duy trì qua điện thoại và mạng xã hội; đồng thời từng bước thích ứng với các quy định quản lý biên giới. Thời gian tới, cần tăng cường hỗ trợ sinh kế và nâng cao năng lực thích ứng cho người dân, đồng thời tạo điều kiện duy trì các quan hệ kinh tế, xã hội và văn hóa chính đáng trong khuôn khổ pháp luật, sẽ góp phần ổn định đời sống và xây dựng khu vực biên giới Việt Nam – Trung Quốc hòa bình, hữu nghị và phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Minh Nhật (2025). *Hà Giang: Hành trình lịch sử vùng biên viễn*. <https://baotuyenquang.com.vn/dong-su-kien/202504/ha-giang-hanh-trinh-lich-su-vung-bien-vien-9007794/>, truy cập: 25/08/2026.
- Nguyễn Thị Thanh Bình, Vương Xuân Tình (2023). *Ý thức quốc gia – dân tộc ở các tộc người vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc*. NXB Khoa học xã hội.
- Tạ Thị Anh (2025). Biến đổi quan hệ tộc người xuyên biên giới tại tỉnh Hà Giang dưới tác động của hàng rào biên giới Việt Nam – Trung Quốc, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr. 46-58.
- Tạ Thị Anh (2025). “Tác động của “hàng rào” do Trung Quốc xây dựng dọc biên giới Việt Nam – Trung Quốc đến hoạt động sinh kế của các dân tộc thiểu số khu vực giáp biên tỉnh Hà Giang hiện nay”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị ở nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội thảo Dân tộc học quốc gia năm 2024). NXB Khoa học xã hội.
- Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn. (2024a). *Báo cáo tình hình, kết quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo 6 tháng đầu năm 2024*, tr. 1-8.
- Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn. (2024b). *Báo cáo tình hình thực hiện chính sách bảo đảm quyền cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đồng Văn*, tr. 1-9.
- Ủy ban nhân dân huyện Quản Bạ. (2024). *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu 6 tháng cuối năm 2024*, tr. 1-34.